

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NĂM 2016

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
Thi tuyển chức danh Nhân viên công tác xã hội hạng IV

I. Về cơ cấu tổ chức.

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 28/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các công trường 06 thành Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

- Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 08/10/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và định mức biên chế của các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

II. Về lĩnh vực cai nghiện ma túy

- Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (những nội dung quy định liên quan đến ma túy, nghiện ma túy, cai nghiện ma túy)

- Luật Phòng, chống ma túy sửa đổi năm 2008 (những nội dung quy định liên quan đến ma túy, nghiện, cai nghiện ma túy)

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (những nội dung liên quan đến áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bằng hình thức cai nghiện)

- Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế về việc hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Quyết định số 60/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/7/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng

- Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Thông tư 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy.

III. Về lĩnh vực công tác xã hội

- Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020;

- Thông tư 01/2017/TTLT-BLĐTBXH ngày 02/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội.

- Thông tư 30/2015/TTLT-BLĐTBXH ngày 19/8/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội

- Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công tác xã hội cơ sở của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nhập môn công tác xã hội; công tác xã hội với người nghiện ma túy...).

- Giáo trình, tài liệu liên quan đến công tác xã hội.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NĂM 2016

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thi tuyển chức danh: Viên chức quản lý giáo dục dạy nghề, lao động sản xuất.

I. Về cơ cấu, tổ chức.

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 28/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các công trường 06 thành Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

- Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 08/10/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và định mức biên chế của các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

II. Về lĩnh vực Dạy nghề.

2.1. Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, ngày 27/11/2014.

2.2. Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn;

2.3. Các Nghị định, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ:

- Nghị định 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp.

- Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020- 2021.

- Quyết định 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ về việc Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Quyết định 971/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

- Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

2.4. Các Thông tư hướng dẫn:

- Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

- Thông tư 40/2015/TT- BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ làm việc của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp.

- Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

- Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

- Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về quy định điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 2 năm 2016.

- Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm.

- Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn chính sách đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù.

2.5. Các văn bản của tỉnh:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV với mục tiêu "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực" phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 27%;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, chỉ đạo triển khai tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao". Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 37%.

- Nghị quyết số 02-NQ/TQ, ngày 13/5/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020.

- Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang

- Quyết định số 191/QĐ-UBND, ngày 23/5/2011 về phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Tuyên Quang

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

III. Về lĩnh vực cai nghiện.

1. Văn bản của Trung ương

1.1. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

1.2. Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20/6/2012 về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

1.3. Luật Phòng, chống ma túy năm 2000: Chương (I, II, IV, V)

1.4. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống ma túy năm 2008.

1.5. Nghị quyết số 98/2015/QH13 ngày 10/11/2015 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 (điểm 5 mục III);

1.6. Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

1.7. Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ;

1.8. Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

1.9. Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào CSCNBB;

1.10. Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ;

1.11. Thông tư số 33/2010/TT-BLĐTBXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy;

1.12. Thông tư liên tịch số 148 /2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào CSCNBB; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

1.13. Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy.

14. Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

1.15. Thông tư số 12/2004/TT-BLĐTBXH ngày 02/11/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn về tổ chức công tác dạy nghề tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội

1.16. Thông tư số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy

1.17. Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy

1.18. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/1/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

1.19. Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 08/10/2008 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội- Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và định mức biên chế của các Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục lao động Xã hội

1.20. Thông tư Liên tịch số 14/2002/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 06/6/2012 quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào chữa bệnh tại Trung tâm

1.21. Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương

2. Văn bản chỉ đạo của tỉnh

2.1. Kế hoạch số 107-KH/TU ngày 17/7/2014 Tỉnh uỷ Tuyên Quang về việc chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 95-KL/TW ngày 02/4/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21- CT/TW của Bộ chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới.

2.2. Chỉ thị số 01 -CT/TU ngày 27/06/2017 của BTV Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy, công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

2.3. Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của Uỷ Ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc bãi bỏ 4 văn bản Quyết định số 1218/QĐ-UB ngày 26/9/2000 về việc ban hành Quy chế tạm thời về cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.4. Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 28/12/2013, tổ chức lại các Công trường 06 thành Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội

2.5. Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

2.6. Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 về việc sáp nhập Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, phòng, chống mua bán người, phòng chống AIDS và tệ nạn ma túy, mại dâm và Ban chỉ đạo thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc thành: Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, phòng chống AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tỉnh Tuyên Quang;

2.7. Quyết định số 380/QĐ-UBND-VX phê duyệt Đề án xã hội hoá điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2014 - 2020;

2.8. Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 30/10/2014 về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, phòng chống AIDS, phòng

chống tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tỉnh Tuyên Quang;

2.9. Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.10. Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh về mức trợ cấp đặc thù áp dụng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Tuyên Quang

2.11. Công văn số 62/UBND-VX ngày 11/01/2014 chỉ đạo triển khai thực hiện công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

1.12. Công văn số 2150/UBND-VX ngày 18/8/2014 chỉ đạo việc đẩy mạnh triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone trên địa bàn tỉnh,

2.13. Công văn số 3027/UBND-VX ngày 28/10/2014 chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường triển khai thực hiện các quy định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị định số 221/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

1.14. Công văn số 289/UBND-VX ngày 04/02/2015 về việc công tác cai nghiện ma túy năm 2015.

1.15. Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 04/4/2016 về việc triển khai công tác điều trị, cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện ma túy năm 2016 trên địa bàn tỉnh

1.16. Công văn số 3334/UBND-KGVX ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tăng cường công tác quản lý cai nghiện ma túy;

2.17 Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc triển khai công tác điều trị, cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện ma túy năm 2017 trên địa bàn tỉnh

2.18. Hướng dẫn liên ngành số: 1115/HDLN-SLĐTBXH-CA-SYT-STP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Tư pháp, Sở Y tế, công an tỉnh về Quy trình, thủ tục đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện ma túy; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NĂM 2016

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thi tuyển chức danh: Viên chức quản lý công tác kế hoạch - tài chính

A. CÁC TÀI LIỆU ÔN TẬP

I. Luật Ngân sách Nhà nước:

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (Ban hành theo Luật số 83/2015/QH13).

II. Luật Kế toán:

Luật Kế toán năm 2015 (Ban hành theo Luật số 88/2015/QH13).

III. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp

- Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

IV. Luật Quản lý tài sản nhà nước

Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008

B. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

I. Luật NSNN năm 2015:

Luật số 83/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

(Tài liệu về Luật NSNN năm 2015, đề nghị thí sinh tra cứu trên mạng hoặc tài liệu do Bộ Tài chính in ấn phát hành)

Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 gồm có 7 Chương, 77 Điều

- Chương I - Những quy định chung (Điều 1 đến Điều 18)

Nội dung ôn tập trung vào các Điều 1, Điều 2, Điều 4 (tập trung vào các khoản: 2, 6, 8, 12, 13, 14, 17, 18, 19, 22, 23), Điều 6, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18)

- Chương II- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan khác của nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân về NSNN (Điều 19 đến Điều 34)

Nội dung ôn tập trung vào các Điều 32, Điều 34

- **Chương III - Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp** (từ Điều 35 đến Điều 40)

Giới hạn không tập trung ôn vào các Điều của Chương này.

- **Chương IV Lập Dự toán NSNN** (từ Điều 41 đến Điều 48)

Nội dung ôn tập trung vào các Điều 41, Điều 42

- **Chương V - Chấp hành NSNN** (từ Điều 49 đến Điều 62)

Nội dung ôn tập trung vào các Điều 49 (khoản 2,3), Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 61)

- **Chương VI - Kế toán, Kiểm toán, Quyết toán NSNN** (từ Điều 62 đến Điều 73)

Giới hạn không tập trung ôn vào các Điều của Chương này.

- **Chương VII - Điều khoản thi hành** (từ Điều 74 đến Điều 77)

Giới hạn không tập trung ôn vào các Điều của Chương này.

II. Luật Kế toán 2015 (Ban hành theo Luật số 88/2015/QH13) gồm 6 Chương, 74 Điều

(Tài liệu về Luật Kế toán năm 2015, đề nghị thí sinh tra cứu trên mạng hoặc tài liệu do Bộ Tài chính in ấn phát hành)

- **Chương I - Những Quy định chung** (từ Điều 1 đến Điều 15)

Nội dung ôn tập trung vào các Điều sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nhiệm vụ kế toán

Điều 5. Yêu cầu kế toán

Điều 6. Nguyên tắc kế toán

Điều 7. Chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán

Điều 8. Đối tượng kế toán

Điều 9. Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết

Điều 10. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán

Điều 11. Chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán

Điều 12. Kỳ kế toán

Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm

Điều 14. Giá trị của tài liệu, số liệu kế toán

Điều 15. Trách nhiệm quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán.

- **Chương II - Nội dung của công tác kế toán** (từ Điều 16 đến Điều 48).

Nội dung ôn tập trung vào các Điều sau

- Điều 16. Nội dung chứng từ kế toán
- Điều 17. Chứng từ điện tử
- Điều 18. Lập và lưu trữ chứng từ kế toán
- Điều 19. Ký chứng từ kế toán
- Điều 20. Hóa đơn
- Điều 21. Quản lý, sử dụng chứng từ kế toán
- Điều 22. Tài khoản kế toán và hệ thống tài khoản kế toán
- Điều 23. Lựa chọn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán
- Điều 24. Sổ kế toán
- Điều 25. Hệ thống sổ kế toán
- Điều 26. Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán
- Điều 27. Sửa chữa sổ kế toán
- Điều 28. Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý
- Điều 29. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán
- Điều 30. Báo cáo tài chính nhà nước
- Điều 31. Nội dung công khai báo cáo tài chính
- Điều 32. Hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính
- Điều 33. Kiểm toán báo cáo tài chính
- Điều 34. Kiểm tra kế toán
- Điều 35. Nội dung kiểm tra kế toán
- Điều 36. Thời gian kiểm tra kế toán
- Điều 37. Quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán
- Điều 38. Quyền và trách nhiệm của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán
- Điều 39. Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ
- Điều 40. Kiểm kê tài sản
- Điều 41. Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán
- Điều 42. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trong trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại

- Chương III - Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán (từ Điều 49 đến Điều 56).

Tập trung ôn vào các Điều sau:

Điều 49. Tổ chức bộ máy kế toán

Điều 50. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán

Điều 51. Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán

Điều 52. Những người không được làm kế toán

Điều 53. Kế toán trưởng

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng

Điều 55. Trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng

- **Chương IV - Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán** (từ Điều 57 đến Điều 70).

Giới hạn không ôn vào các Điều của Chương này.

- **Chương V - Quản lý nhà nước về kế toán** (Điều 71)

Giới hạn không ôn vào các Điều của Chương này.

- **Chương VI - Điều khoản thi hành** (từ Điều 72 đến Điều 74)

Giới hạn không ôn vào các Điều của Chương này.

III. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

(Tài liệu Chế độ kế toán nêu trên, đề nghị thí sinh tra cứu trên mạng hoặc tài liệu do Bộ Tài chính in ấn phát hành)

Nội dung ôn tập trung vào các nội dung sau:

Phần thứ nhất: Hệ thống chứng từ kế toán

I. Quy định chung

1. Nội dung và mẫu chứng từ kế toán

2. Hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán

3. Lập chứng từ kế toán

4. Ký chứng từ kế toán

5. Trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán

6. Sử dụng, quản lý và in biểu mẫu chứng từ kế toán

8. Các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng chứng từ điện tử cho hoạt động tài chính và ghi sổ kế toán thì phải tuân thủ theo quy định của các văn bản pháp luật về chứng từ điện tử.

II- DANH MỤC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN *(Cần nắm chắc tên chứng từ, số hiệu, loại chứng từ kế toán)*

Phần thứ hai: Hệ thống tài khoản kế toán

I. Quy định chung

1- Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán

2- Phân loại hệ thống tài khoản kế toán

3- Lựa chọn áp dụng hệ thống tài khoản

II- DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN (Cần nắm chắc số hiệu, tên tài khoản, phạm vi áp dụng và hạch toán và các tài khoản có liên quan)

Về hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cần nắm chắc nguyên lý kế toán và hạch toán các tài khoản liên quan nêu tại danh mục hệ thống tài khoản nêu trên và hạch toán kế toán theo quy định tại Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Phần thứ 3: Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán

I. Quy định chung

1- Sổ kế toán

2- Các loại sổ kế toán

2.1- Sổ kế toán tổng hợp

2.2. Sổ, thẻ kế toán chi tiết

3- Hệ thống sổ kế toán

4- Trách nhiệm của người giữ và ghi sổ kế toán

5- Mở sổ kế toán

5.1- Trước khi mở sổ kế toán bằng tay để sử dụng, phải hoàn thiện thủ tục pháp lý của sổ kế toán như sau:

5.2- Mở sổ kế toán

6- Ghi sổ kế toán

7- Ghi sổ kế toán bằng tay hoặc bằng máy vi tính

8- Khoá sổ kế toán

8.1- Cuối kỳ kế toán

8.2- Trình tự khoá sổ kế toán

9- Sửa chữa sổ kế toán

9.2- Sửa chữa trong trường hợp ghi sổ kế toán bằng máy vi tính:

9.3- Khi báo cáo quyết toán năm được duyệt hoặc khi công việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kết thúc và có kết luận chính thức, nếu có quyết định phải sửa chữa lại số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến số liệu đã ghi sổ kế toán

10- Các hình thức kế toán áp dụng cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;

- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Chú ý Nội dung của từng hình thức cần phải nắm chắc

III- Danh mục sổ kế toán

1- **Danh mục sổ kế toán áp dụng cho các đơn vị kế toán cấp cơ sở** (Cần nắm chắc tên sổ, ký hiệu mẫu sổ, phạm vi áp dụng)

2- **Danh mục sổ kế toán áp dụng cho đơn vị kế toán cấp I, II (Cấp trên)**

Phần thứ tư: Hệ thống báo cáo tài chính

I. Quy định chung

1- Báo cáo tài chính , báo cáo quyết toán ngân sách

2- Trách nhiệm của các đơn vị trong việc lập, nộp báo cáo tài chính

2.1- *Trách nhiệm của đơn vị kế toán*

2.2- *Trách nhiệm của cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Thuế*

3- Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách

4- Kỳ hạn lập báo cáo tài chính

5- Kỳ hạn lập báo cáo quyết toán ngân sách

6- Thời hạn nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách

6.1- *Thời hạn nộp báo cáo tài chính*

6.1.1- *Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý*

6.1.2- *Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm*

6.2. *Thời hạn nộp báo cáo quyết toán ngân sách năm*

Cần nắm chắc danh mục và mẫu báo cáo tài chính (ký hiệu, tên biểu báo cáo...)

IV. Về Luật Quản lý tài sản nhà nước

(Tài liệu về Luật quản lý tài sản nhà nước ban hành ngày 03/6/2008, đề nghị thí sinh tra cứu trên mạng hoặc tài liệu do Bộ Tài chính in ấn phát hành)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gồm 6 Chương, 39 Điều

- Chương I – Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6).

- Chương II – Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài sản nhà nước (từ Điều 7 đến Điều 11).

- Chương III - Quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang (từ Điều 12 đến Điều 28).

- Chương IV - Quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính (từ Điều 29 đến Điều 34).

- Chương V - Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (từ Điều 35 đến Điều 37).

- Chương VI - Điều khoản thi hành (từ Điều 38 đến Điều 39)

Nội dung ôn tập trung các Điều sau:

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

Điều 16. Sử dụng tài sản nhà nước

Điều 19. Hạch toán tài sản nhà nước

Điều 20. Thu hồi tài sản nhà nước

Điều 21. Điều chuyển tài sản nhà nước

Điều 22. Thanh lý tài sản nhà nước

Điều 23. Bán tài sản nhà nước

Điều 24. Tiêu huỷ tài sản nhà nước.